TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàn;

Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 544/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1979; thường trú: Ấp S, xã S, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Số 31/2, đường T, khu phố T , phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Minh C , sinh năm 1969; thường trú: Ấp M, thị trấn S, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Số 31/2, đường T, khu phố T, phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc M và anh Nguyễn Minh Ch tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi làm đám cưới vào năm 2003. Nhưng anh C và chị M không đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới, anh chị sinh sống tại 31/2, đường T, khu phố T, phường Đ , thị xã Dĩ An , tỉnh Bình Dương . Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do anh C không quan tâm tâm đến gia đình. Những lúc cãi nhau, anh C đánh đập chị M. Anh C làm nghề tài xế nên ít khi về nhà. Từ năm 2016, anh C quen người phụ nữ khác nên anh chị không còn tình cảm và không còn sống chung. Nay do tình cảm không còn, anh chị không còn

sống chung nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh C, chị M là vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Minh C và chị Lê Thị Ngọc M có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/02/2004. Chị M yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh H và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh C: Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 09/9/2019; tham gia phiên tòa vào các ngày 30/9/2019 và 28/10/2019 nhưng anh C vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh C cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

- Ngày 01/7/2019, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Minh C tại địa phương và được bà Nguyễn Ngọc Diệp là cán bộ Hội phụ nữ phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cung cấp: Quá trình chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Minh C sinh sống tại địa phương, chính quyền không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị. Do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào. Vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội phụ nữ phường cũng không biết nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con là chưa phù hợp quy định của pháp luật, do chị M và anh C không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, các thủ tục khác từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm đã bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Minh C đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc M và anh Nguyễn Minh C chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết

hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch".* Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X về thi hành Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị M, không công nhận chị Lê Thị Ngọc M và anh Nguyễn Minh C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/02/2004. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng anh Nguyễn Minh C không có ý kiến về vấn đề con chung, đồng thời cháu Nguyễn Minh H có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung Nguyễn Minh H cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị M cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động và phiếu lương xác nhận mức thu nhập của chị M mỗi tháng trung bình từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Đồng thời, chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị M nên chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung (nợ chung): Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận. Đề nghị về quan hệ pháp luật của Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Minh C.

2. Về con chung:

2.1. Anh Nguyễn Minh C giao con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/02/2004 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Minh Chánh có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Nguyễn Thị Ngọc M không có quyền cản trở anh Nguyễn Minh C thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con : Anh Nguyễn Minh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung (nợ chung): Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Ngọc M chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028706 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Nguyệt Ánh